

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 19 tháng 3 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 473/2017/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đoàn Thị T, sinh năm: 1968.

Địa chỉ: Ấp 1A, xã TPĐ, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Ông Đoàn Văn T, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: Ấp 1A, xã TPĐ, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Đoàn Thị P, sinh năm: 1946.

Chị Đoàn Thị Thúy B, sinh năm: 1997.

Cùng địa chỉ: Ấp 1A, xã TPĐ, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Bà Đoàn Thị T được quyền sử dụng đất và các tài sản trên phần đất có diện tích 1690.1m², mục đích sử dụng: Đất hàng năm khác, thuộc thửa đất số 1/22, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại ấp 1A, xã TPĐ, huyện G, tỉnh Bến Tre. Đất có các cạnh: Cạnh 1-2 chiều dài 39.01m; cạnh 2-3 chiều dài 51.53m; cạnh 3-4 chiều dài 17.83m; cạnh 4-5 chiều dài 24.20m; cạnh 5-6 chiều dài 34.16m; cạnh 6-7 chiều dài 30.55m; cạnh 7-1 chiều dài 19.01m.

(Có Hồ sơ đo đạc theo yêu cầu của Tòa án kèm theo).

- Ông Đoàn Văn T được quyền sử dụng đất và các tài sản trên phần đất có diện tích 1769.9m², mục đích sử dụng: Đất hàng năm khác, thuộc thửa đất số 1/22, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại ấp 1A, xã TPĐ, huyện G, tỉnh Bến Tre. Đất có các cạnh: Cạnh 1-2 chiều dài 74.66m; cạnh 2-3 chiều dài 17.56m; cạnh 3-4 chiều dài 19.28m; cạnh 4-5 chiều dài 51.53m; cạnh 5-6 chiều dài 39.01m; cạnh 6-1 chiều dài 19.34m.

(Có Hồ sơ đo đạc theo yêu cầu của Tòa án kèm theo).

- Chị Đoàn Thị Thúy B được quyền sử dụng đất và các tài sản trên phần đất có diện tích 1405.1m², mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa 1/51 + 1/443, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại ấp 1A, xã TPĐ, huyện G, tỉnh Bến Tre. Đất có các cạnh: Cạnh 1-2 chiều dài 5.58m; cạnh 2-3 chiều dài 84.54m; cạnh 3-4 chiều dài 34.77m; cạnh 4-5 chiều dài 25.86m; cạnh 5-6 chiều dài 18.07m; cạnh 6-7 chiều dài 5.57m; cạnh 7-8 chiều dài 17.77m; cạnh 8-9 chiều dài 51.97m; cạnh 9-10 chiều dài 52.57m; cạnh 10-11 chiều dài 0.84m; cạnh 11-1 chiều dài 5.71m.

(Có Hồ sơ đo đạc theo yêu cầu của Tòa án kèm theo).

Bà Đoàn Thị T, ông Đoàn Văn T, chị Đoàn Thị Thúy B tự liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước về đất đai có thẩm quyền để thực hiện thủ tục cấp, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đoàn Thị T phải chịu 3.402.605đ (Ba triệu bốn trăm lẻ hai nghìn sáu trăm lẻ năm đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.643.000đ (Bốn triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu số 0012957 ngày 31/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Hoàn trả cho bà Đoàn Thị T số tiền chênh lệch là 1.240.395đ (Một triệu hai trăm bốn mươi nghìn ba trăm chín mươi lăm đồng).

Ông Đoàn Văn T phải chịu 3.541.853đ (Ba triệu năm trăm bốn mươi một nghìn tám trăm năm mươi ba đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.365.000đ (Hai triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0015392 ngày 02/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Ông Đoàn Văn T phải tiếp tục nộp 1.176.853đ (Một triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn tám trăm năm mươi ba đồng).

Chị Đoàn Thị Thúy B phải chịu 3.579.147đ (Ba triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn một trăm bốn mươi bảy đồng).

- Về chi phí tố tụng khác:

Bà Đoàn Thị T tự nguyện chịu và đã nộp đủ chi phí đo đạc, định giá và trích sao quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (theo yêu cầu của bà) tổng cộng là 7.417.000đ (Bảy triệu bốn trăm mười bảy nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phạm Thị Thu Trang